

Nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên theo tiếp cận năng lực người học ở Trường Thực hành Sư phạm Nghệ An

Nguyễn Thị Thành Vân*

*Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Received: 4/9/2023; Accepted: 12/9/2023; Published: 24/9/2023

Abstract: The paper analyzes the teaching methods on capacity approach to help students recognize fully and clearly the purpose of learning, fostering positive emotions to subjects. Teacher – student relationship and friendship also motivate students to learn.

Keywords: Solution, teaching; access capability

1. Đặt vấn đề

Đào tạo theo hướng phát triển năng lực của người học đã và đang trở thành một xu hướng tất yếu trong giáo dục trên thế giới. GV từ chỗ dạy học tập trung vào truyền thụ nội dung tri thức chuyển dần sang định hướng, tổ chức hướng dẫn phương pháp tiếp cận và làm chủ tri thức cho người học. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đi sâu nghiên cứu việc tìm ra những cách thức phù hợp để nâng cao chất lượng giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực (TCNL) tại trường thực hành sư phạm Nghệ An nhằm thực hiện từng bước đáp ứng yêu cầu cấp thiết của việc đổi mới trong giáo dục.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm về năng lực và TCNL

2.1.1. Năng lực

Năng lực (competency) có nguồn gốc từ tiếng La tinh “competentia”. Ngày nay khái niệm năng lực được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Năng lực được hiểu như sự thành thạo, khả năng thực hiện của cá nhân đối với một công việc.

Theo tác giả Mrowicki: “Năng lực là một dạng bao gồm các kỹ năng, kiến thức, thái độ và kinh nghiệm cần thiết bắt buộc thực hiện có hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ thực tiễn. Những hoạt động này có thể liên quan đến bất kỳ lĩnh vực nào, mặc dù chúng được liên kết với lĩnh vực công việc và tồn tại xã hội trong môi trường mới”.

Còn theo tác giả Nguyễn Trọng Khanh (2011) cho rằng: năng lực bao gồm các kỹ năng (KN), kỹ xảo cần thiết được định hình trên cơ sở kiến thức được gắn bó đa dạng với động cơ và thói quen tương ứng, làm cho con người có thể đáp ứng được những yêu cầu đặt ra trong công việc. [1]

Dược góc độ GD - ĐT, năng lực được hiểu là một

người nào đó sau khi được GD thì có khả năng thực hiện những nhiệm vụ và công việc của nghề nghiệp chuyên môn, đảm bảo đúng những tiêu chuẩn và yêu cầu đặt ra.

Như vậy, có thể hiểu năng lực là những khả năng, kỹ xảo được hình thành hay sẵn có của mỗi chủ thể nhằm giải quyết các tình huống cụ thể thông qua phương tiện, phương pháp, hình thức tổ chức cụ thể.

2.1.2. Tiếp cận năng lực

Hiện nay, có rất nhiều quan niệm khác nhau về năng lực thực hiện. Nhưng đều thống nhất: Năng lực thực hiện được coi như là sự tích hợp của kiến thức - kỹ năng - thái độ làm thành năng lực thực hiện một công việc và được thể hiện trong thực tiễn lao động.

Trong năng lực thực hiện, người ta cũng phân biệt bốn loại chủ yếu sau: Kỹ năng thực hiện công việc cụ thể, riêng biệt; Kỹ năng quản lý các công việc; Kỹ năng quản lý các sự cố; Kỹ năng hoạt động trong môi trường làm việc

2.1.3. Tiếp cận năng lực thực hiện trong dạy học

Năng lực thực hiện ngày nay phát triển rộng rãi trong mọi loại hình đào tạo nhằm mục đích chuẩn bị lực lượng lao động cho nền kinh tế cạnh tranh toàn cầu. Các học giả, các nhà GD và các nhà tuyển dụng xem đây là cách có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất, được ủng hộ mạnh mẽ nhất để cân bằng giáo dục, đào tạo và những đòi hỏi tại nơi làm việc. Những nhà GD sử dụng mô hình năng lực như là những phương tiện để xác định và gắn kết những đòi hỏi của thực tiễn trong quá trình GD - ĐT.

Tiếp cận theo năng lực thực hiện có những ưu thế so với các cách tiếp cận khác nên thuận lợi hơn trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo. Những ưu điểm đó là:

- TCNL cho phép cá nhân hóa việc học: trên cơ sở

mô hình năng lực, người học sẽ bổ sung những thiếu hụt của cá nhân để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của mình;

- TCNL chú trọng vào kết quả đầu ra;
- TCNL tạo ra những linh hoạt trong việc đạt tới những kết quả đầu ra: theo những cách thức riêng phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của cá nhân;
- TCNL còn tạo khả năng cho việc xác định một cách rõ ràng những gì cần đạt được và những tiêu chuẩn cho việc đo lường các thành quả.

Việc chú trọng vào kết quả đầu ra và những tiêu chuẩn đo lường khách quan của những năng lực cần thiết để tạo ra các kết quả này là điểm được các nhà hoạch định chính sách GD, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đặc biệt quan tâm nhấn mạnh.

Dạy học theo TCNL thực hiện có những đặc điểm cơ bản sau:

Định hướng đầu ra: là đặc điểm cơ bản nhất, có ý nghĩa trung tâm vì nó chỉ ra rằng người học có thể làm được cái gì trong một tình huống lao động nhất định theo tiêu chuẩn đề ra.

Dạy và học các năng lực thực hiện: do có định hướng đầu ra nên DH theo năng lực thực hiện trước hết phải xác định được các năng lực thực hiện mà SV phải nắm vững hay thông thạo. Nội dung chương trình DH nên được cấu trúc thành các module để liên kết tất cả các thành phần kiến thức liên quan trong các nội dung lý thuyết với các kỹ năng để tạo ra một năng lực chuyên môn nhằm thực hiện một công việc nhất định trong nghề.

Đánh giá trong đào tạo theo năng lực thực hiện: đánh giá HS thông qua thành tích của HS theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn được xây dựng theo mục đích DH.

Tổ chức và quản lý quá trình DH: GV căn cứ vào mức độ thành thạo được tất cả các năng lực thực hiện đã xác định trong khung chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn.

2.2. Các biện pháp nâng cao năng lực giảng dạy của GV theo hướng TCNL nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

2.2.1. GV kích thích động cơ, hứng thú học tập cho HS

Biện pháp này được đề xuất dựa trên sự tác động của GV vào nội dung môn học, bài học, chương học và học phần để làm bật mục đích, ý nghĩa của các môn học nhằm tác động vào xúc cảm của người học. Xúc cảm sẽ tác động đến hứng thú gây nên ở HS sự khát khao chiếm lĩnh tri thức, nếu không có hứng thú thì HS sẽ thờ ơ và bỏ mặc.

Biện pháp này thực hiện theo quy trình sau:

- GV nghiên cứu kế hoạch DH theo từng môn học: trên cơ sở GV nghiên cứu, chuẩn bị kỹ nội dung môn học mà HS cần lĩnh hội; GV lựa chọn phương pháp, phương tiện DH; GV cung cấp hướng kiểm tra, đánh giá môn học để HS chuẩn bị tâm thế, hướng tiếp cận và xử lý thông tin, lĩnh hội kiến thức một cách khoa học trong suốt học kỳ.

- GV triển khai kế hoạch giảng dạy cá nhân cho HS: GV cung cấp cho HS phân phối chương trình của cá nhân để HS chủ động trong việc lập kế hoạch tự học của HS và chuẩn bị tâm thế, thái độ tốt nhất cho việc lĩnh hội tri thức trong mỗi giờ học trên lớp.

- GV tổ chức cho HS trao đổi về tầm quan trọng, về ý nghĩa, những thuận lợi và khó khăn của các môn học : HS tìm hiểu sự tương tác giữa các môn học trong chương trình, điều kiện học tập có những thuận lợi và khó khăn gì, từ đó chọn lựa phương án tốt nhất để tiếp cận các môn học hiệu quả. Thực hiện biện pháp này sẽ giúp HS có kỹ năng xử lý thông tin, phân tích, so sánh; biểu đạt ý kiến; biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến với các thành viên trong nhóm.

- Sử dụng các kỹ thuật DH để HS làm quen với môn học: GV sử dụng các kỹ thuật DH hợp lý để HS nhận thức được ý nghĩa môn học. Các biện pháp dùng trong giai đoạn này là: Động não (Công não), Tia chớp, 3 lần 3,... nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “con lốc” các ý tưởng) cũng như huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó, hoặc nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng ý kiến của mình về câu hỏi hoặc tình trạng vấn đề.

2.2.2. GV hình thành kỹ năng lập kế hoạch cho HS

Quy trình thực hiện biện pháp

- GV tổ chức cho HS xác định mục đích, nhiệm vụ của từng môn học: GV tổ chức cho HS nhận thức mục đích, nhiệm vụ của từng môn học, từ đó SV có cái nhìn nhất quán về mục đích cuối cùng của từng môn học là hình thành kỹ năng cho HS. Biện pháp này có tác dụng tạo nên tâm thế sẵn sàng cho HS học tập với thái độ nghiêm túc, đúng đắn, không đầu tư chệch hướng.

- GV tổ chức cho HS xác định nội dung của từng môn học: Nội dung các môn học được thống nhất giữa GV và HS trên cơ sở chương trình chung

của từng môn. HS sẽ xác định được cấu trúc bài học những phần trọng tâm, quan trọng; biết chuẩn bị các kiến thức cần có; lựa chọn phương tiện, phương pháp học thích hợp. Biện pháp này góp phần rèn luyện kỹ năng sơ đồ hóa cấu trúc môn học.

- GV lựa chọn phương pháp, phương tiện DH: Phương pháp DH và phương tiện DH luôn nhất quán nhau. Phương tiện hỗ trợ cho phương pháp trở nên hiệu quả và thuyết phục hơn và phải có phương pháp thì tính năng của phương tiện mới được khai thác triệt để nhằm mang lại lợi ích cao nhất. Việc sử dụng phương pháp và phương tiện đặt trong mối liên hệ với đối tượng DH, môi trường DH, điều kiện DH. HS tiếp nhận được nguồn cảm xúc tích cực từ bài học; HS có hứng thú tự học sáng tạo và hiệu quả môn học. Biện pháp này giúp HS có hứng thú cao và duy trì được hứng thú trong quá trình học tập.

- GV xác định phương pháp kiểm soát tiến trình thực hiện kế hoạch: Trong tiến trình thực hiện kế hoạch DH, GV tuân thủ theo kế hoạch đã vạch ra từ đầu nhưng cần thiết phải có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tế DH trên lớp. Nói khác đi, GV phải luôn luôn làm chủ và kiểm soát được kế hoạch DH của mình. HS tiếp cận kiến thức thuận lợi hơn và có những điều chỉnh, kiểm soát được kế hoạch học tập của cá nhân.

- GV tổ chức cho HS xác định phương pháp kiểm tra, đánh giá kế hoạch: GV cùng HS kiểm tra lại toàn bộ kế hoạch để xem thử có cần thêm, bớt nội dung nào hay không và có sự thay đổi, điều chỉnh nào về mặt phương pháp DH không. HS phải tìm và đọc lướt trước các tài liệu liên quan và huy động toàn bộ các hiểu biết, kinh nghiệm mà HS tích lũy được từ các môn học trước để có cơ sở kiểm tra, đánh giá kế hoạch hiệu quả.

2.2.3. GV tổ chức cho HS tạo thông tin phản hồi

Quy trình tạo thông tin phản hồi

- GV đặt câu hỏi để tạo ra tình huống buộc HS phải suy nghĩ và tìm cách giải quyết.

- GV dành thời gian đủ cho HS suy nghĩ hướng và cách giải quyết vấn đề, đồng thời bắt tay thực hiện giải quyết vấn đề.

- GV đề nghị HS phản hồi về hoạt động giải quyết vấn đề hoặc trả lời những vướng mắc mà bạn nêu ra hoặc yêu cầu lớp tiến hành thảo luận những vướng mắc mà bạn/các bạn gặp phải.

- GV hướng dẫn cho HS tự phản hồi thông tin bằng cách tự tìm ra mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn.

- GV nhận xét và tổng kết các ý kiến của HS để HS có phản hồi chính thức từ phía GV để có kinh nghiệm trong những lần sau.

2.2.4. GV tổ chức hoàn thiện kỹ năng mô hình hóa bài học cho HS

Quy trình thực hiện biện pháp

- GV tổ chức cho HS thiết lập sơ đồ môn học trên giấy: Nghiên cứu và phân tích từng vị trí của từng mối quan hệ trong nội dung bài học và với các kiến thức liên hệ bên ngoài để HS có cái nhìn tổng quát và sơ đẳng nhất về nội dung môn học.

- HS sắp xếp các khái niệm, đơn vị kiến thức hợp lý: Đây là biện pháp hệ thống hóa bài học sao cho mỗi khái niệm, mỗi đơn vị kiến thức phải được phân bố vào 1 vị trí tương ứng, phù hợp.

- Giải thích sơ đồ: GV hướng dẫn HS cách đọc sơ đồ, giải thích và chỉ ra các mối liên hệ giữa các thành tố, HS hiểu và tiếp cận kiến thức bài học dễ dàng hơn.

- GV hướng dẫn HS lập sơ đồ tư duy bài học: GV viết ý chính vào ô ở giữa, các ý phụ thứ nhất là các nhánh lớn mọc ra từ ô ở giữa, các ý phụ thứ hai là các nhánh nhỏ mọc ra từ nhánh lớn, các ý phụ thứ ba là các nhánh nhỏ hơn nữa mọc ra từ nhánh thứ hai, cứ như thế cho đến hết các ý của bài. Sơ đồ tư duy giúp GV củng cố, hệ thống bài học nhanh và đầy đủ các kiến thức cơ bản của bài dạy. HS sẽ tiếp thu thuận lợi bài học vì khung bài đã hiện lên trên sơ đồ một cách có hệ thống. HS dùng sơ đồ này để tự học và ôn tập.

3. Kết luận

Năng lực giảng dạy của GV có vai trò quan trọng đến năng lực nghề nghiệp của GV và chất lượng hoạt động nghề nghiệp của họ. Kết quả nghiên cứu trên đây tạo cơ sở thuận lợi để thực hiện các tác động phù hợp và hiệu quả mục tiêu nâng cao năng lực giảng dạy của GV theo hướng TCNL của người học ở trường thực hành sư phạm Nghệ An. Đây cũng là tư liệu khoa học có giá trị cho các nhà khoa học tham khảo trong quá trình triển khai các nghiên cứu theo hướng này.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Trọng Khanh (2011), *Phát triển năng lực tư duy kỹ thuật*. NXB Đại học Sư phạm.

[2] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29 – NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo*. Hà Nội.

[3] Lê Đình Trung, Phan Thị Thanh Hội (2016), *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*. NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

[4] Đặng Thành Hưng (2001), *Các lý thuyết và mô hình giáo dục hướng vào người học ở Phương Tây*. Viện khoa học Giáo dục.

[5] Vũ Trọng Nghị (2009), *Đào tạo theo TCNL thực hiện*. Tạp chí giáo dục, số 41.